TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MT** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 07/2022/ HNGĐ-ST.

Ngày: 07/01/2022

" V/v Xin ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Thành Long

2/ Ông Nguyễn Đinh Cường

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Thanh Thuỷ

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện MT không tham gia phiên tòa.*

Ngày 07 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở TAND huyện MT xét xử công khai vụ án thụ lý số: 137/2021/TLST-HNGĐ, ngày 29 tháng 6 năm 2021, về việc tranh chấp: "*Xin ly hôn, nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68^{A}/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- <u>*Nguyên đơn*</u>: Chị **Nguyễn Thị Thuỳ T**, sinh năm 1987 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp VL, xã CA, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long.

- <u>*Bị đơn*</u>: Anh **Trương Văn Đ**, sinh năm 1990 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp VL, xã CA, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thuỳ T trình bày: Tôi và anh Trương Văn Đ tự tìm hiểu được gia đình cha mẹ hai bên chấp thuận đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã CA, huyện MT vào ngày 31/5/2010.

Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc tại ấp VL, xã CA. Đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do

anh An thay đổi tính tình hay chưởi mắng tôi vô cớ, bản thân chị và cha mẹ hai bên nhiều lần khuyên can hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tôi đã bỏ về nhà cha mẹ ruọt sinh sống từ đầu năm 2020 đến nay, mỗi người một nơi, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay tôi nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trương Văn Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trương Thị Yến H, sinh ngày 24/11/2010 do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh Đcấp dưỡng nuôi con.

Về quyền và nghĩa vụ về tài sản chung, nợ phải thu, phải trả: chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Con chung trên 07 tuổi cháu Trương Thị Yến H trình bày: Cháu là con của cha Đ và mẹ T, khai cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng sống cùng mẹ.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thông báo cho anh Trương Văn Đ biết việc thụ lý vụ án cũng như các yêu cầu khởi kiện của chị T, nhưng anh Đ không có văn bản trả lời, không có yêu cầu phản tố và vắng mặt tại các phiên hòa giải, công khai chứng cứ, các phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do đó Tòa án không tiến hành ghi lời khai của bị đơn và hòa giải cho các đương sự được.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thuỳ T có đơn xin vắng mặt tại phiên toà.

Bị đơn anh Trương Văn Đ vắng mặt không rõ lý do.

Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng theo luật định hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng bị đơn vắng mặt không rõ lý do, nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên toà. Căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thuỳ T và anh Trương Văn Đ qua tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 09 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, do đó quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Đ là hợp pháp. Năm 2019 trong quá trình vợ chồng chung sống có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Cha mẹ hai bên nhiều lần hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không có kết quả, chị và anh Đ đã sống ly thân với nhau từ đầu năm 2020 đến nay, mỗi người một nơi, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh Đ đều vắng mặt không có lý do, anh Đ không đến phiên tòa và không nhận các Quyết định của Tòa án, thể hiện anh Đ từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình. Anh, chị đã sống

ly thân từ đầu năm 2020 đến nay, thể hiện tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ là không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị T được ly hôn với anh Đ là phù hợp.

[3] Về Con chung: Giao cháu Trương Thị Yến H, sinh ngày 24/11/2010 cho chị Nguyễn Thị Thuỳ T trực tiếp nuôi dưỡng, theo nguyện vọng của cháu.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chưa yêu cầu nên không giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ phải thu, nợ phải trả: chưa yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thuỳ T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 2 Điều 227; các Điều 266; 267 của Luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 09, 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thuỳ T.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thuỳ T được ly hôn với anh Trương Văn Đ.

2/Về nuôi con chung: Giao cháu Trương Thị Yến H, sinh ngày 24/11/2010 cho chị Nguyễn Thị Thuỳ T trực tiếp nuôi dưỡng theo nguyên vọng của cháu. Các đương sự có quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3/ Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chưa yêu cầu nên không xem xét.

4/ Quyền và nghĩa vụ về tài sản chung, nợ phải thu, nợ phải trả: Chưa yêu cầu, nên không xem xét.

5/ Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Thuỳ T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0006919 ngày 29/6/2021. Chị T đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6/ Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện MT;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- THADS huyện MT;
- UBND CA;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
Đã ký

Huỳnh Thị Linh

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MT** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Ngày 18 tháng 6 năm 2021

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện MT, tỉnh Vĩnh Long

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Linh**

Các Hội thẩm nhân dân :

1.Ông **Huỳnh Văn Thanh**

2.Ông **Cao Thành Phước**

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 30/2021/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 5 năm 2021 về "*Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con"* giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thị Thu Thủy**, sinh năm 1993 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp Phước Ngươn, xã Long Phước, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn*: Anh **Quách Văn Chí Linh**, sinh năm 1993 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Thanh Hương, xã Mỹ An, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU(9)

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 2 Điều 227; các Điều 266; 267 của Luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 09, 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu Thủy.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu Thủy được ly hôn với anh Quách Văn Chí Linh.

2/Về nuôi con chung: Giao cháu Quách Thị Thủy Tiên, sinh ngày 20/10/2014 cho anh Quách văn Chí Linh trực tiếp nuôi dưỡng theo nguyện vọng của cháu. Về cấp dưỡng không yêu cầu nên không giải quyết. Các đương sự có quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3/ Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu nên không giải quyết.

4/ Quyền và nghĩa vụ về tài sản chung, nợ phải thu, nợ phải trả: Chưa yêu cầu, nên không xem xét.

5/ Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Thu Thủy phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0006743 ngày 23/02/2021. Chị Thủy đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6/ Báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Kết quả biểu quyết 3/3.

Nghị án kết thúc cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

Thành Viên Hội Đồng Xét Xử **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Thanh **Cao Thành Phước** **Huỳnh Thị Linh**